TẠP CHÍ
Thiết bị Giáo dục
ISSN 1859 - 0810
SỐ 247
KỲ 2 - THÁNG 8 - 2021
CƠ QUAN CỦA HIỆP HỘI THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

JOURNAL OF EDUCATIONAL EQUIPMENT
WWW.TAPCHITHIETBIGIAODUC.VN

TẠP CHÍ ISSN 1859 – 0810
Thiết bị Giáo dục
Journal of Educational Equipment
NĂM THỨ MƯỜI BẢY
SỐ 247 KỲ 2 THÁNG 8-2021

Tổng biên tập
PGS. TS. PHẠM VĂN SƠN

Hội đồng biên tập
GS. TS. VŨ DŨNG
GS. TS. NGUYỄN THỊ MỸ LỘC
GS. TS. PHẠM HỒNG QUANG
GS. TS. THÁI VĂN THÀNH
GS. TS. PHAN VĂN KHA
Mr. DANNY GAUCH
PGS. TS. PHẠM VĂN SƠN - CHỦ TỊCH
PGS. TS. NGUYỄN XUÂN THỨC
PGS. TS. Đại tá MAI VĂN HÓA
PGS. TS. NGUYỄN VĂN ĐỆ
PGS. TS. BÙI VĂN HỒNG
PGS. TS. DƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN
PGS. TS. THÁI THẾ HÙNG
PGS. TS. LÊ VĂN GIÁO
PGS.TS. LÊ KHÁNH TUẤN
PGS. TS. NGUYỄN MẠNH HƯỞNG
PGS. TS. TRẦN THỊ MINH HẰNG
PGS. TS. NGUYỄN NHƯ AN
PGS.TS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN
TS. BÙI ĐỨC TÚ - PHÓ CHỦ TỊCH
TS. LÊ HOÀNG HẢO
TS. CHU MẠNH NGUYÊN
TS. THÁI VĂN LONG
TS. LÊ CHI LAN
TS. NGUYỄN ĐỨC DANH

Tòa soạn
Số nhà 41, ngõ 199, phố Khương Thượng (ngõ 440 Trường Chinh), quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.36658762
Fax: 024.36658761
Email: tapchitbgd@yahoo.com.vn

Văn phòng giao dịch phía Nam
TS. Bùi Văn Hưng - Trưởng Văn phòng
Số 58, đường 6, khu phố 2, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP. HCM. ĐT: 0916682685

Tài khoản: 1501 201 018 193
Ngân hàng NN&PTNT Hà Nội
PGD Hai Bà Trưng

Giấy phép xuất bản:
Số 357/CBC-BCTƯ Ngày 15/12/2014
của Bộ Thông tin và Truyền thông

Thiết kế và Chế bản:
Đoàn Ngoan
In tại Công ty TNHH In - Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Lâm

Giá: 35.000đ (Ba mươi lăm nghìn đồng)

MỤC LỤC - CONTENT

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG - APPLIED RESEARCH

Nguyễn Thị Thanh Hương: Sử dụng phim có thuyết minh hoặc phụ đề tiếng ... trong học tiếng đối với sinh viên không chuyên - *Using movies with English narration ... titles in language learning for non-specialized students* 1

Hà Thị Thanh Ngà: Những hoạt động liên quan của giảng viên với phương pháp Emi (English as a medium of instruction) khi giảng dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh - *Related activities of lecturers with Emi method (English as a medium of instruction) when teaching specialized subjects in English* 4

Trần Thanh Tâm: Sử dụng google groups để nâng cao kỹ năng viết cho sinh viên không chuyên tiếng Trung - *Using Google Groups to enhance written skills for non major-Chinese students.* 7

Bùi Thị Thúy Đào, Quách Thị Chúc: Ứng dụng Google earth giáo cụ trực quan trong hoạt động dạy học - *Applying Google earth application of visual tools in teaching activities.* 10

Lê Văn Giáo, Trịnh Vĩ Cầm: Bồi dưỡng năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh qua bài tập thực tế trong dạy học phần "quang hình học" vật lí 11 - *Fostering ability of applying the knowledge into practice for students through practical exercises in teaching "Optical geometry" part physics 11* 13

Lê Văn Giáo, Nguyễn Thành Tâm: Bồi dưỡng năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh qua bài tập tình huống trong dạy học chương "cân bằng và chuyển động của vật rắn" Vật lí lớp 10 THPT - *Fostering problem-solving capacity for students through case studies in teaching the "balance and motion of solids" chapter Physics grade 10 high school* 16

Ngô Sỹ Đình, Nguyễn Thị Nhị: Vận dụng B-learning dạy học chương "dòng điện trong các môi trường" (vật lí lớp 11) theo hướng phát triển năng lực tự học của học sinh - *Applying B-learning to teach the "Current in environments chapter" (physics 11) towards developing students' self-study ability* 19

Lê Văn Giáo, Nguyễn Thị Kim Thoa: Bồi dưỡng năng lực hợp tác cho học sinh qua dạy học nhóm với sự hỗ trợ của thí nghiệm trong dạy học vật lí ở trung tâm GDNN-GDTX - *Fostering the cooperation capacity for students through group teaching with the support of experiments in teaching physics at vocational education centers - continuing education* 22

Nguyễn Anh Thuấn, Lê Thị Thảo Hằng: Xây dựng thiết bị thí nghiệm hầm gió để sử dụng trong dạy học vật lí lớp grade 10 - *Building wind tunnel testing equipment for using in teaching physics 10* 25

Nguyễn Thị Kiều Hạnh, Lê Văn Giáo: Phát triển năng lực hợp tác của học sinh qua dạy học theo trạm - *Developing collaborative capacity of stuents through station-based teaching* 28

Nguyễn Quốc Sơn, Nguyễn Cao Sơn: Cách mạng Công nghiệp 4.0 và sự tác động đến đội ngũ giảng viên các trường đại học, cao đẳng ở nước ta - *Industrial revolution 4.0 and the impact on contingent of lecturers in universities and colleges in our country* 31

Võ Quốc Thịnh, Nguyễn Phú Lộc: Dạy học giải bài tập về góc với đường tròn - lớp 9 với sự hỗ trợ của phần mềm Geogebra - *Teaching solving exercises about angle with circle – Grade 9 with support of GeoGebra software.* 34

Nguyễn Dương Hoàng, Lê Hoàng Khải: Phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh thông qua dạy học giải toán giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số - giải tích lớp 12 - *Developing mathematical modeling capacity for students through teaching Math solutions to the maximum and minimum values of a function - calculus grade 12* 37

Nguyễn Hoàng Ngọc, Nguyễn Phú Lộc: Vận dụng mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung vào dạy học giải bài tập chủ đề phương trình đường thẳng trong không gian - *Applying the relationship between the particular and the general in teaching and solving exercises on the topic of linear equations in space* 40

Võ Thái Sang, Nguyễn Thị Bích Phượng: Thực trạng kỹ năng thích ứng với cuộc sống của học sinh trung học cơ sở tại thành phố Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng - *The current situation of skills to adapt to life of junior high school students in Soc Trang city, Soc Trang province)* 43

Hồ Thị Thu Thảo, Bùi Anh Kiệt: Vận dụng mô hình hóa toán học vào dạy học bất phương trình bậc 2 lớp 10 - *Applying mathematical modelling in teaching quadratic inequalities grade 10* 46

Nguyễn Phạm Phi Oanh, Nguyễn Phú Lộc: Dạy học công thức tính khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng hình học lớp 10 theo hướng tiếp cận lý thuyết hoạt động - *Teaching the formula of calculating distance from a point to a line in geometry grade 10 towards the activity theory approach.* 49

Trần Thị Thu Thảo, Bùi Anh Kiệt: Dạy học quy luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc: Lý thuyết, bài tập và mô phỏng bằng phần mềm R - *Teaching the probability distribution of discrete random variables: Theory, exercises and simulations by R software* 52

Phạm Thị Kim Phượng, Nguyễn Ngọc Như Ý: Nghiên cứu thành phần hóa học tinh dầu cây Nhất Mạc Hương [*Plectranthus hadiensis* var. *Tomentosus* (Benth.) Codd] - *Researching on chemical composition of essential oil tree [Plectranthus hadiensis var. Tomentosus (Benth.) Codd]* 55

Lại Thị Hương Giang: Biện pháp phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi thông qua hoạt động kể chuyện theo tranh - *Measures of developing vocabulary for preschoolers 5-6 years old through story-telling activities by pictures.* 57

Nguyễn Thị Vóc: Vận dụng phương pháp tham quan thực tế trong giảng dạy môn lịch sử đảng cộng sản Việt Nam cho sinh viên Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, thành phố Hồ Chí Minh - *Applying the actual visit method in teaching the History subject of the Communist Party of Vietnam to students of Nguyen Tat Thanh University, Ho Chi Minh city* 60

Lê Thị Lan Hương: Dạy học theo dự án chủ đề địa lí dân cư trong chương trình địa lí lớp 10 trung học phổ thông - *Project-based teaching on the topic of residential geography in geography curriculum the 10th grade high school* 63

Nguyễn Thị Lệ Hằng: Thực trạng và giải pháp phát triển kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh - *The current situation and solutions to develop English speaking skills for students at Vinh University of Technology and Education* 66

[illegible]: Lựa chọn một số bài tập bổ trợ nhằm phát triển sức mạnh tốc độ động tác chân cho sinh viên chuyên sâu bơi lội k49 [illegible] Đại học [illegible] Thể dục thể thao Hà Nội - *Select some complementary exercises to develop strength and speed of foot movements for students [illegible] in swimming k49 Hanoi University of Education, Physical Training and Sports.* 69

Đinh Hoàng Anh: Nâng cao [illegible] hoạt động huấn luyện võ thuật tại Trường Đại học Cảnh sát nhân dân - *Improving the effectiveness of martial arts training [illegible] the People's Police University* 72

Phạm Thị Mai, Lê Cát Nguyên, Nguyễn Đăng Hào,Trần Thị Thùy Linh: Nâng cao chất lượng giờ học thể dục chính [illegible] cho học sinh trường trung học cơ sở Hải Hòa, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị - *Enhancing the quality of main physical educ[illegible]sses for students at Hai Hoa junior high school, Hai Lang district, Quang Tri province* 75

Hoàng Công Minh: Nghiên cứu lựa chọn một số bài tập chuyên môn nâng cao thể lực chung cho nam sinh viên năm t[illegible]ng Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh - *Researching on selecting some specialized exercises to enhance general fitness fo[illegible]ale students at Vinh University of Technical Education* 78

Phạm Thị Thanh Nhàn: Ảnh hưởng của hiện tượng mạng xã hội lệch chuẩn đến hành vi của học sinh phổ thông - [illegible]w of *the deviating social networks phenomenon on the behavior of high school students* 81

Nguyễn Thanh Hải: Biện pháp phát triển đội ngũ cán bộ đoàn cơ sở tại Trường Đại học Đồng Tháp - *Measures of developing grassroots union cadres at Dong Thap University* 84

Mai Ngọc Luyện: Khảo sát hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT ở huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang - *Surveying on life skills education activities for high school students in Hon Dat district, Kien Giang province* 87

Nguyễn Thị Thuận, Bùi Thị Mùi: Thực trạng phát triển đội ngũ cố vấn học tập tại Trường đại học Cần Thơ – *The current situation the development of academic advisors at Can Tho University* 90

Lương Tiến Hiệu: Đổi mới kiểm tra, đánh giá học phần giáo dục chính trị theo tiếp cận năng lực - *Innovating the inspection and evaluation of political education modules towards a competency approach* 93

Nguyễn Thị Lệ Hữu: Xây dựng đạo đức, lối sống cho sinh viên phân hiệu Trường Đại học Nội vụ Hà Nội tại Quảng Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh - *Building ethics lifestyle for students of Hanoi University of Home Affairs in Quang Nam according to Ho Chi Minh's thought* 96

Ma Thị Thúy: Giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên trường đại học Tân Trào trong bối cảnh hiện nay - *Educating political consciousness for students at Tan Trao University in the current context* 99

Huỳnh Xuân Phát: Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cố vấn học tập ở khoa sư phạm Trường đại học Bạc Liêu - *Solutions of enhancing the effectiveness of academic advising at the Faculty of Pedagogy, Bac Lieu University* 102

Bùi Thị Thanh Bình: Nghiên cứu và đề xuất một số nhiệm vụ của cố vấn học tập trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ - *Researching and proposing some tasks of academic advisors in the credit-based training system* 105

Đồng Văn Toàn: Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến hoạt động học tập của sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương - *Effect of the Covid 19 epidemic on the learning activities of students at Thu Dau Mot University, Binh Duong province* 108

Nguyễn Văn Quế, Nguyễn Ngọc Phương: Nghiên cứu động lực thúc đẩy quá trình hình thành nhân cách theo tư tưởng phân tâm học FREUD - *Studying the driving force of personality formation following psychoanalytic thought FREUD* 111

Trần Thuý Vân: Sử dụng tình huống trong giảng dạy học phần pháp luật đại cương cho sinh viên Trường Đại học Tân Trào - *Using case study in teaching general law module for students at Tan Trao University* 114

Thân Thị Giang, Bùi Thị Ngọc Lan: Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy học môn Chính trị tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây - *Several solutions to enhance the quality of teaching and learning Politics subject at HaTay community College* 117

Chế Thị Hải Linh: Xây dựng chuẩn đầu ra ngành giáo dục tiểu học trình độ đại học theo tiếp cận năng lực ở Trường Đại học Vinh - *Building output standards of primary education industry higher education level according to capacity approach in Vinh university* 120

Nguyễn Thị Nhung: Biện pháp giáo dục truyền thống cách mạng Tuyên Quang cho sinh viên Trường Đại học Tân Trào - *Methods of traditional education of Tuyen Quang revolution for students of Tan Trao University* 123

QUẢN LÝ GIÁO DỤC - EDUCATION MANAGEMENT

Tư Thị Oanh: Thực trạng quản lý hoạt động dạy học theo mô hình STEM ở các trường tiểu học quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng - *The current situation of managing teaching activities following the STEM model in primary schools in Duong Kinh district, Hai Phong city* 126

Bùi Thị Lý: Tổ chức bồi dưỡng năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên tiểu học theo chuẩn nghề nghiệp - *Organizing professional capacity fostering for primary school teachers following professional standards* 129

Nguyễn Thị Thanh Huyền: Thực trạng quản lý giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS quận Nam Từ Liêm, Hà Nội trong bối cảnh hiện nay - *The current situation of life value education management for junior high school students in Nam Tu Liem district, Hanoi in the current context* 132

Nguyễn Thị Kim Thương: Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường mầm non ở huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang - *Developing the contingent of management staff of preschools in Vinh Thuan district, Kien Giang province* 135

Lê Thị Thanh Hường: Biện pháp quản lý giáo dục lòng nhân ái cho học sinh THCS tp. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình theo định hướng chương trình GDPT 2018 - *Measures of managing charity education for junior high school students in Hoa Binh City, Hoa Binh province following the orientation of general education program 2018* 138

Bùi Như Ý: Quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục Tiểu học tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ - *Managing primary education quality accreditation activities in Ninh Kieu district, Can Tho city* 141

Mai Thị Hồng Phượng: Quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 4, lớp 5 qua môn Lịch sử và Địa lý địa phương định hướng theo chương trình GDPT mới - *Managing experiential activities for 4th and 5th grade students through local History and Geography subject towards the new general education program* 144

Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Thành Nhân: Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh ở các trường tiểu học thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế - *Management of sexual prevention skill education activities for students in primary schools in Hue city, Thua Thien Hue province.* 147

Nguyễn Đình Duy: Giải pháp quản lý trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp - *Solutions of managing equipment and facilities for training in vocational education institutions* 150

Phùng Chí Thành: Phát triển đội ngũ giáo viên dạy nghề lái xe ô tô đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo nghề của xã hội - *Developing a contingent of car driving instructors to meet the requirements of enhancing the training quality as required of society* 153

Nguyễn Tuấn Thành: Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh tại các trường trung học cơ sở huyện Hoài Đức, Nà Nội - *The current situation of managing moral education activities for students in junior high schools in Hoai Duc district, Ha Noi* 156

Trần Phước Hoà: Quản lý hoạt động tổ chuyên môn theo hướng đổi mới giáo dục phổ thông tại các trường THPT huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp - *Managing the specialized team activities towards the general education innovation at high schools in Thap Muoi district, Dong Thap province* 159

XÂY DỰNG CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Chế Thị Hải Linh*

ABSTRACT

Building graduation standards for education is required to develop high quality human resource and meet requirements of education reform in current period. This article mentions graduation standards for students majoring in primary education at universities. Also, the article propose measures to improve training quality of primary education under graduation requirements.

***Keywords**: Primary education major, graduation standards, students, higher education.*

Ngày nhận bài: 17/7/2021; Ngày phản biện: 20/7/2021; Ngày duyệt đăng: 23/7/2021

1. Đặt vấn đề

Công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện nền GD-ĐT trong bối cảnh quốc tế hóa và hội nhập kinh tế với mục tiêu: "Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả GD-ĐT; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân" [1] đặt ra những yêu cầu mới cho phát triển đội ngũ nhà giáo trong đó có giáo viên Tiểu học (GVTH). Để nâng cao NL nghề nghiệp cho GVTH, các trường/khoa ĐHSP cần thiết phải xác định đúng chuẩn đầu ra (CĐR) của ngành học đáp ứng chuẩn nghề nghiệp (CNN) trong bối cảnh mới, từ đó đảm bảo các điều kiện thực hiện hoạt động đào tạo (HĐĐT) theo CĐR, CNN.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1.Chuẩn đầu ra ngành sư phạm GDTH trình độ ĐH

2.1.1. Khái niệm CĐR

a) Chuẩn đầu ra: Mục đích chính sử dụng CĐR nhằm gắn kết tốt hơn GD&ĐT với thị trường lao động và việc làm, đem đến nhiều cơ hội hơn để công nhận thành quả học tập của các trình độ *ĐT*, tạo sự linh hoạt và trách nhiệm hơn đối với hệ thống GD&ĐT.

CĐR đối với chương trình giáo dục đại học (GDĐH) *được quy định tại Khoản 8,* Điều 2 Quy định về KĐCL GDĐH (Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT): *CĐR là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kĩ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân mà người học đạt được sau khi hoàn thành* CTĐT, được cơ sở GD cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện [3].

b) Giáo viên tiểu học: là người làm nhiệm vụ giảng dạy, GD HS trong trường TH và cơ sở GD khác thực hiện chương trình GDTH.

GVTH có tầm quan trọng đặc biệt. Lao động của GVTH là lao động vừa mang tính khoa học, vừa mang tính nghệ thuật, đòi hỏi phải công phu, GVTH là hình ảnh trực quan sinh động luôn gần gũi với học sinh, là tấm gương sáng để HS học tập và rèn luyện, dần hoàn thiện nhân cách của chính mình. Nghị quyết TW 2 khóa VIII chỉ rõ: "Giáo viên là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục và được xã hội tôn vinh. Giáo viên phải có đủ đức đủ tài". Để nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên (SV) ngành giáo dục tiểu học (GDTH), các CSĐT cần thiết phải xác định đúng CĐR và KNL của ngành học đáp ứng yêu cầu của CNN trong bối cảnh mới.

2.1.2. Chuẩn đầu ra ngành GDTH trình độ ĐH

a)Cở sở xây dựng CĐR ngành GDTH theo tiếp cận NL (TCNL): Chương trình GDPT sau 2015 xác định mục đích hình thành và phát triển cho HS 10 NL (NL) cốt lõi gồm: 1) NL tự chủ và tự học; 2) NL giao tiếp và hợp tác; 3) NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; 4) NL ngôn ngữ; 5) NL tính toán; 6) NL tìm hiểu tự nhiên và xã hội; 7) NL công nghệ; 8) NL tin học; 9) NL thẩm mỹ; 10) NL thể chất. Khi xây dựng khung NL GVTH, đây sẽ là những căn cứ cần thiết để vận dụng trong quá trình ĐT GVTH phù hợp với yêu cầu đổi mới GD Việt Nam.

CNN GVTH (Quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT) là một trong những căn cứ quan trọng để

* TS, Khoa Giáo dục, Trương ĐH Vinh

xây dựng KNL GVTH. Những tiêu chuẩn, tiêu chí đã được xác định sẽ là cơ sở nền tảng để xây dựng CĐR, KNL của GVTH đáp ứng yêu cầu đổi mới.

b)Chuẩn đầu ra CTĐT GVTH theo TCNL: Xuất phát từ đặc trưng hoạt động nghề nghiệp, bối cảnh đổi mới GD theo TCNL, theo tác giả CĐR và KNL nghề nghiệp ngành GDTH trình độ ĐH có thể xác định:

- *Mục tiêu tổng quát*: SV tốt nghiệp ngành GDTH có kiến thức và hiểu biết sâu sắc về khoa học cơ bản và KHGD thuộc lĩnh vực GDTH; có NL hình thành, thiết kế, thực hiện và đánh giá các HĐGD phức hợp trong môi trường GDTH năng động và hiện đại; những công dân có ý thức, trách nhiệm đối với xã hội.

- *Mục tiêu cụ thể*: SV tốt nghiệp chương trình GDTH có kiến thức, kĩ năng và NL:1. Kiến thức và lập luận về GDTH; 2. Các kĩ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; 3. Có kĩ năng giao tiếp và làm việc nhóm; 4. Có NL hình thành, thiết kế, thực hiện và đánh giá các hoạt động DH và GD trong bối cảnh nhà trường TH, xã hội và môi trường.

Bảng 2.1. Khung năng lực ngành đào tạo giáo viên tiểu học

TT	Chủ đề năng lực
1	**Năng lực chung**
1.1	Năng lực giao tiếp
1.2	Năng lực làm việc nhóm
1.3	Năng lực tự học
1.4	Năng lực nghiên cứu và khám phá kiến thức khoa học
1.5	Năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề
1.6	Năng lực tư duy hệ thống và dự báo
1.7	Năng lực khai thác, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông
1.8	Năng lực sử dụng ngoại ngữ
1.9	Năng lực thích ứng với hoàn cảnh thực tế
1.10	Năng lực đánh giá, phản biện xã hội
2	**Năng lực nghề nghiệp**
1.2	Năng lực áp dụng kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành vào quá trình dạy học và giáo dục ở tiểu học
2.2	Năng lực nhận biết được bối cảnh bên ngoài xã hội và môi trường nghề nghiệp
2.3	Năng lực nhận biết được bối cảnh nhà trường tiểu học và công việc
2.4	Năng lực hình thành ý tưởng cho hoạt động giáo dục và dạy học ở tiểu học
2.5	Năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động giáo dục và dạy học ở tiểu học
2.6	Năng lực thiết kế các hoạt động giáo dục và dạy học ở tiểu học
2.7	Năng lực tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục và dạy học ở tiểu học
2.8	Năng lực kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục và dạy học ở tiểu học
2.9	Năng lực phát triển nghề nghiệp GDTH.
3	**Năng lực hành vi**
3.1	Khả năng độc lập, tự tin trong môi trường nghề nghiệp
3.2	Năng lực tư duy hệ thống
3.3	Năng lực tự đánh giá bản thân
3.4	Chủ động, sáng tạo, thích ứng với yêu cầu và môi trường nghề nghiệp
3.5	Ứng xử linh hoạt trong các tình huống sư phạm
3.6	Nắm vững các nguyên tắc và tiêu chuẩn đạo đức người giáo viên tiểu học
3.7	Năng lực làm việc hiệu quả trong nhà trường và các nền văn hóa khác nhau

2.2. Đề xuất giải pháp ĐT GVTH ở trường ĐH Vinh đáp ứng CĐR mới

2.2.1. Nâng cao nhận thức cho các thành viên trong nhà trường về tầm quan trọng của HĐĐT GVTH trình độ đại học theo TCNL: Hình thành nhận thức đúng về ĐT theo TCNL là việc làm cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. Các thành viên cần nhận thức rằng nếu thực hiện có hiệu quả HĐĐT theo TCNL sẽ mang lại nhiều lợi ích cho cả nhà trường lẫn đơn vị sử dụng lao động, thể hiện trách nhiệm của CSĐT đối với xã hội, đối với bậc TH với nhiệm vụ trọng tâm là cần xác định ĐT theo TCNL là nhu cầu tự thân, thiết thực đi vào chiều sâu, có kết quả cao.

2.2.2. Tổ chức ĐT theo KNL, CĐR đã xác định: Xây dựng CĐR và KNL GVTH đáp ứng yêu cầu mới là hoạt động thiết yếu đầu tiên của QTĐT ngành GDTH trình độ ĐH theo TCNL. Để hiện thực hóa CĐR, Trường ĐH Vinh cần tổ chức thực hiện tốt các khâu trong QTĐT, trong đó xây dựng chương trình theo TCNL là việc làm quan trọng. Khi xây dựng chương trình, cần chú trọng đến các học phần thực hành, cải tiến và bổ sung các hoạt động rèn luyện NVSP thường xuyên theo hướng tăng cường PTNL thực hành nghề nghiệp cho SV.

2.2.3. Đảm bảo các điều kiện ĐT GVTH theo

TCNL: xây dựng môi trường, hiện đại hóa hệ thống CSVC, trang thiết bị phục vụ HĐĐT GVTH theo TCNL. Tập trung bồi dưỡng đội ngũ giảng viên về NL DH thực hành, tích hợp và các NL hỗ trợ đáp ứng yêu cầu của QTĐT. CĐR và KNL là sự cụ thể hóa mong muốn của đơn vị sử dụng lao động. NL thực hành nghề chỉ được hình thành và phát triển trong môi trường thực tiễn. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với hệ thống các trường vệ tinh, các cơ sở thực hành tạo môi trường làm việc cụ thể cho SV tác nghiệp, hình thành NL nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu CĐR.

3. Kết luận

HĐĐT ngành GDTH trình độ ĐH có tính bền vững và mang lại ý nghĩa xã hội cao trong ĐT NNL TH khi các CSĐT xác định đúng CĐR và KNL đáp ứng yêu cầu việc làm trong bối cảnh mới. Để HĐĐT hiệu quả nhà trường cần tạo sự đồng thuận và quyết tâm trong toàn hệ thống, thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý phù hợp với GDPT.

Tài liệu tham khảo

[1] Ban Chấp hành TƯ (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TƯ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và ĐT*. Hà Nội

[2] Bộ Giáo dục và ĐT (2013). *Tài liệu tập huấn Nâng cao chất lượng ĐT giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam*, 8/2013.

[3] Bộ Giáo dục và ĐT (2017), *Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục đại học*. Hà Nội

[4] Trần Khánh Đức (2013). *Nghiên cứu nhu cầu và xây dựng mô hình đào tạo theo năng lực trong lĩnh vực giáo dục*, Đề tài trọng điểm ĐHQGHN 2013.

[5] Jenkins, A. & Unwin, D. (2001), How to write learning outcomes, Retrieved December 25, 2015, from http://www.ncgia.ucsb.edu/education/curricula/giscc/units/ format/outcomes.htm.

VẬN DỤNG MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁI RIÊNG...

(tiếp theo trang 42)

+ Giả sử đường thẳng Δ lần lượt cắt hai đường thẳng d_1 và d_2 tại A và B.

Suy ra A(8+t;5+2t;8-t) và B(3−7t';1+2t';1+3t') và $\overrightarrow{AB} = (-5-7t'-t;-4+2t'-2t;-7+3t'+t)$

+ Vectơ chỉ phương của d_1 và d_2 lần lượt là: $\vec{a} = (1;2;-1)$ và $\vec{a'} = (-7;2;3)$

+ Ta có:

$$\begin{cases} \overrightarrow{AB}.\vec{a} = 0 \\ \overrightarrow{AB}.\vec{a'} = 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} 1.(-5-7t'-t)+2.(-4+2t'-2t)-1.(-7+3t'+t) = 0 \\ -7.(-5-7t'-t)+2.(-4+2t'-2t)+3.(-7+3t'+t) = 0 \end{cases}$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} t+t' = -1 \\ 3t+31t' = -3 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} t = -1 \\ t' = 0 \end{cases}.$$

Suy ra: A(7;3;9) và $\overrightarrow{AB} = (-4;-2;-8)$

+ Vậy: Phương trình tham số của đường thẳng Δ đi qua điểm A(7;3;9) và có vectơ chỉ phương $\vec{u} = (2;1;4)$ là $\Delta: \begin{cases} x = 7+2t \\ y = 3+t \\ z = 9+4t \end{cases}, (t \in \mathbb{R})$.

3. Kết luận

Vận dụng mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung vào dạy học giải bài tập toán vừa mang tính khả thi và mang lại hiệu quả trong giáo dục, giúp HS khắc sâu và củng cố hệ thống kiến thức và rèn luyện các hoạt động trí tuệ cơ bản. Các quy trình dạy học này không chỉ áp dụng có hiệu quả đối với dạy học giải bài tập chủ đề Phương trình đường thẳng trong không gian, mà còn có thể áp dụng tốt vào dạy học giải bài tập toán với các chủ đề khác trong chương trình Toán THPT.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn Hạo (Tổng chủ biên), Nguyễn Mộng Hy (Chủ biên), Khu Quốc Anh, Trần Đức Huyên (2006), *Sách giáo khoa Hình Học 12 (Cơ bản)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

2. Nguyễn Bá Kim (2011), *Phương pháp dạy học môn Toán,* NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

3. Đào Tam (Chủ biên), Trần Trung (2010), *Tổ chức hoạt động nhận thức trong dạy học môn Toán,* NXB Đại Học Sư Phạm.

4. Nguyễn Phú Lộc, Bùi Phương Uyên (2016), *Giáo trình các xu hương dạy học,* NXB Đại Học Cần Thơ, Cần Thơ.

5. Đoàn Quỳnh (Tổng chủ biên), Văn Như Cương (chủ biên), Phạm Khắc Ban, Lê Huy Hùng, Tạ Mân (2014), *Sách giáo khoa Hình Học 12 (Nâng cao)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

6. Polya, Hồ Thuần, Bùi Tường dịch (2009), *Giải một bài toán như thế nào*, NXB Giáo dục Việt Nam.